

Xứ Nam

CÂU CHUYỆN CỦA NHỮNG DÒNG SÔNG

GS, TRẦN QUỐC VƯƠNG*

1 - Hưng Yên - Thái Bình bên tả ngạn, cùng Hà Nam, Nam Định bên hữu ngạn sông Hồng (thời Lý Trần có tên là Đại Hoàng Giang) hợp thành "xứ Nam" của dân dã, trấn Sơn Nam của thời Lê, phủ Thiên Trường - Long Hưng thời Trần, lộ Đại Hoàng Giang thời Lý. Bốn tỉnh được gọi tên như bây giờ, là do người Pháp đặt ở thập niên 90 cuối thế kỷ 19, dưới chế độ thực dân: Chia nhỏ để trị; 80 năm thuộc Pháp họ chỉ làm được 01 cầu sắt Doumer (1902 - Long Biên nay) bắc qua sông Hồng. Thứ tư duy giao thông của Tây thuộc địa là tư duy đường bộ và đường sắt. Họ chênh mảng tư duy sông nước vốn là tư duy truyền thống của người Việt. Cả nước đầy sông nước, xứ Nam, mạng lưới sông lạch càng dày đặc hơn về phía biển nên đò ngang đóng vai trò nối đôi bờ, đò dọc nối Thủ đô và các xứ. Vả lại, dưới chế độ quân chủ - tiểu nông, chưa có khả năng làm cầu sắt lớn, quan - dân chỉ làm được ít cầu đá (nhất là thời Mạc và thời Lê Trung Hưng) và cầu gạch, đôi khi có lợp ngói (như cầu ngói chợ Lương xứ Nam), bắc qua sông nhỏ, thường là

ngòi lạch. Nếu không thì có làm chút cầu gỗ hay là cầu khỉ, bắc bằng tre. Đò ngang với hình ảnh cô/bà lái đò vẫn là phổ biến...

2- Xứ Nam là phần châu thổ Bắc bộ phía Tây Nam, nó có mấy đặc điểm này:

2.1- Nó là vùng hạ châu thổ sông Hồng; sông Hồng ngắn, chảy tương đối dốc, lũ lụt thất thường, nên tổ tiên ta đành chọn phương án đắp đê. Nhà Lý mới chỉ thấy sứ chép đắp đê Cơ Xá để ngăn (phần nào) lũ lụt ở Kinh thành và phần ven đô. Đến thời Trần, thế kỷ 13, mới thấy sứ chép: Nhà Trần đắp đê quai vạc (Đỉnh Nhĩ đê), "từ đầu nguồn đến ven biển", nghĩa là tới xứ Nam. Từng vùng, phải có đê vùng và đời Trần đã có thể chế trông coi đê (có chức Hà đê quan chánh phó sứ). Thời 12 sứ quân, và việc cát cứ trong cuộc loạn lạc, cuối thời Lý thấy sứ chép các tướng cát cứ thường mùa hè cứ phá đê của nhau để dễ tràn qua chiếm đất. Thì biết đấy là đê vùng, bao quanh một số làng xã hay điển trang - thái ấp thời Lý - Trần.

2.2- Có đê quai vạc và đê vùng là đê sông

* ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

nhưng xứ Nam cận biển nên còn có đê biển.

Sử và thực tại xứ Nam còn cho biết rõ ràng, nhất là Đê Hồng Đức (thế kỷ 15). Nay chỉ còn từng đoạn (Nghĩa Hoàng). Tôi thiết tha đề nghị quý vị Lãnh đạo Ninh Bình - Nam Định hãy ra quyết định giữ lấy vài đoạn đê Hồng Đức để làm di tích lịch sử, đánh dấu một chặng đường khai hoang lấn biển của nhân dân ta. Đọc tiểu sử của Lê Tung (1451 - ?), tiến sĩ năm Hồng Đức 15 (1484) ta thấy: Năm Hồng Đức 25 (1494), ông được cử làm Phó điền sứ vùng Nghĩa Hưng, Sơn Nam hạ, mộ dân nghèo không ruộng, lưu tán, đến đây khai hoang lập ấp và chia ruộng cho họ cày cấy. Sử cũng chép mấy lần vua Lý ngày mùa đi xem gặt ở hành cung Ứng Phong. Giới khảo cổ - Bảo tàng Nam Định đã tìm thấy nền hành cung này ở vùng ngã ba sông Sắt/Đáy (đời Lý gọi là sông Ba Lạt (S -> Tr -> Bl - Ba Lạt = Sắt Sắt, như Bà Liệt # Sắt ở huyện Tây Chân, nơi Trần Thừa, người con ngoài giá thú là Bà Liệt (<=> Sắt) Tây Chân sau đổi sang Nam Trân rồi Nam Trục nay). Vua Lý có sai bắc "Cầu Ba Lạt", tôi cho là cầu Sắt ở vùng Bình Lục - Vụ Bản bắc qua con sông Sắt là sông nhỏ, chắc là cầu gỗ thôi. Nay ở phía trên Cầu Họ của Bình Lục vẫn có tên "Cầu Sắt" nơi sông Sắt chảy qua, nối Bình Lục - Hà Nam với Vụ Bản - Nam Định, xưa thuyền nhỏ vẫn xuôi về sông Ngâm để đến hành hương ở đền Mẫu Phủ Giầy, tháng ba âm lịch hàng năm. Sông Sắt - sông Ngâm là nhánh ngang nối sông Châu Giang và sông Đáy.

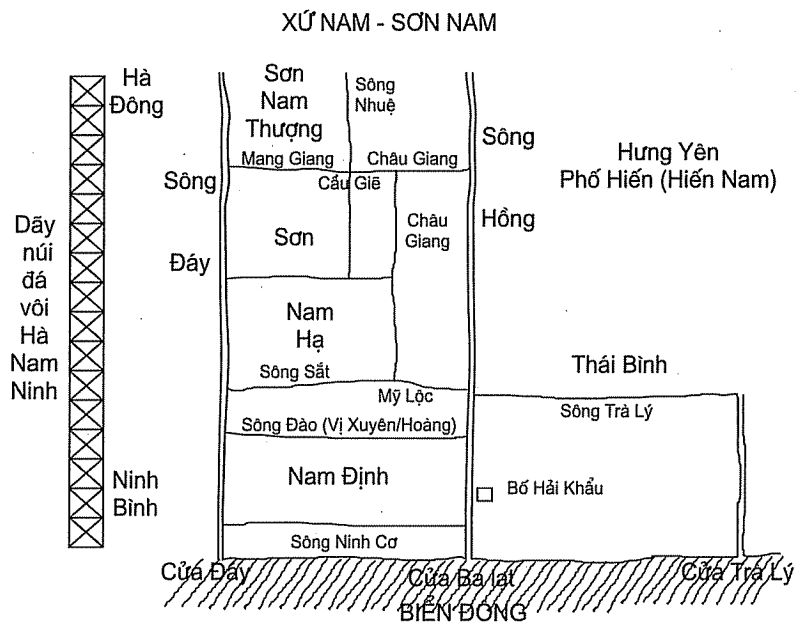
Về sông Châu Giang, chúng tôi đã nói nhiều (xem "Sông Châu - Núi Đọi - họ Trần" trong sách Việt Nam - cái nhìn địa văn hoá, HN, 1998). Đại để, nó bắt nguồn là nhánh sông Đáy ở Vân Đình (Hà Đông), đoạn đến Phú Xuyên gọi là Mang Giang, đoạn qua núi Đọi - Điệp gọi là Châu Giang chảy xuống Châu Cầu (Phủ Lý - Hà Nam), sông Nhuệ, sông Đáy nối nhau bởi Châu Giang. Rồi Châu Giang chảy tiếp xuống Tức Mặc - Thiên Trường - là quê hương và nơi

ngự của các Thượng hoàng nhà Trần - sau khi nhường ngôi cho vua Trẻ - về đây ở tu tiên, học đạo, dưỡng già, thăm dân. Ở đây, con sông Châu đó sẽ gọi là Tiểu Hoàng Giang, rồi lại chảy ra Đại Hoàng Giang là sông Nhị - Nhĩ - Hồng ở vùng ngã ba Đại Hoàng, tên dân dã là Tuần Vương: "Nhất cao là núi Tản Viên, nhất sâu là vũng Thủy Tiên, Tuần Vương" (ca dao). (Giữa Lý Nhân của Hà Nam và Mỹ Lộc của Nam Định, nơi có loài "chuối ngự", nhỏ - ngon - thơm - ngọt - vỏ mỏng, xưa dùng tiến vua, sau bán cho những người thích ăn sang ở chợ Rồng, Nam Định). Nam Định còn có sông Đào - thực ra trước vẫn là sông tự nhiên - Vị Xuyên, Vị Hoàng và quá xuống phía Nam sông Ninh Cơ, đều là những sông nối sông Đáy với sông Hồng.

Nói cho có vẻ khoa học và dễ hiểu thì, về cơ bản có hai hệ thống sông (con sông được ví như một cái cây, thân cây là sông Cái, cành (nhánh) cây là sông con).

- a) Hệ song song
- b) Hệ cành cây.

Tôi có thể "mô hình hoá" (hay "sơ đồ hoá") hệ sông ở xứ Nam như sau:



2.3- Nam Định có 2 cửa biển chính:

a- Cửa Ba Lạt, với hai hàng đối nhau qua sông Hồng: Minh Giám bên Thái Bình, Trà Lũ bên Nam Định, đều là quê và vùng hoạt động của nghĩa quân Phan Bá Vành ("Vua Ba Vành" của dân dã đầu thời Nguyễn 1826 -1827).

Cửa Ba Lạt nhiều cát - phù sa, không sâu, thuyền bè lớn đi vào không thuận lợi.

b- Cửa Đáy: Còn nhiều tên gọi: Đại Ác - Đại An (từ thời Lý). Đại Tiểu Khang (cho cả Ninh Bình - Hoa Lư) Độc bộ - Lục bộ - Rokbo (tên của Tây phiên âm).

Đây là cảng chính của xứ Nam, của thương thuyền trong ngoài nước. Thời Lý, các đoàn thuyền chiến từ đây xuống Nam vào Nghệ, đánh Chiêm và trở về Thăng Long cũng từ đây qua sông Đáy, sông Châu, sông Nhuệ, tùy lúc, tùy nơi ...

Trong thời kỳ chuyển đổi kinh tế, từ nông nghiệp sang công nghiệp - dịch vụ, Nam Định cần đặc biệt chú ý đến cảng biển - sông này, như bên Thái Bình chú ý đến cửa Trà Lý - Diêm Điền).

Nam Định cần một cái nhìn hướng biển mạnh hơn ở thời kỳ đổi mới và cơ chế thị trường, không thể chỉ đứng sau quay lưng với biển (Hải Hậu) hay chỉ đứng "trước biển" (Tiền Hải) như bên tỉnh bạn Thái Bình!

3- 3.1- Khác hẳn với Thái Bình - Hưng Yên - hai tỉnh duy nhất ở châu thổ Bắc kỳ - Bắc bộ không có một trái núi nào, cánh đồng lúa có thể gọi là "cò bay thẳng/mỏi cánh", Nam Định (và ngược lên Hà Nam, Hà Đông (Sơn Nam thượng) rồi Sơn Tây (xứ Đoài) lại là vùng châu thổ xen/chen núi. Hãy chỉ kể dải núi 99 ngọn nổi Ba Vì - núi Vua Bà - Viên Nam qua Kim Bảng - Thanh Liêm của Hà Nam mà đi xuống đến tận ven biển Thần Phù rồi nổi vào Nga Sơn, Thạch Thành, Thanh Hoá. Và còn biết bao nhiêu núi sót rải trên vùng châu thổ Nam Định: Núi Ngăm, núi Gôi, núi Hồ...

Đâu phải bỗng dưng mà biểu tượng non sông của Nam Định xưa - nay là:

Non Côi (Gôi)
Sông Vị

3.2- Trên núi Ngăm, núi Hồ... khảo cổ học đã tìm thấy những di tích hậu kỳ đá mới trên 4000 năm (riù-bôn đá, đồ gốm thô)... Đó là các đảo - biệt cư (island - isolate) của cư dân chài cá cổ là chính (có kết hợp chút chút ngư - tiểu - canh - mục). Nhiều trống đồng Đông Sơn đã được tìm thấy, từ Ngọc Lũ - Lý Nhân ở Hà Nam bên này sông đến Đông Hưng (Đông Quan - Hưng Hà) ở Thái Bình bên kia sông Hồng và ở Nam Định là trống núi Gôi (3-4 cái). Trống Hữu Bị cũng như ở vùng ven núi Ý Yên... Lúc này đã

là sơ kỳ thời đại sắt. Dân Việt cổ ven biển đã có ruộng lạc điền "theo nước triều lên xuống mà làm ăn". Thái Bình (kể cả Kiến Thụy ... của Hải Phòng) - Nam Định - Ninh Bình - Nga Sơn (Thanh Hoá) nên viết lịch sử khai hoang lấn biển, từ thời đại Đông Sơn các vua Hùng đến thời đại Đại Việt - Việt Nam các vua Lý, Trần, Lê, Mạc, Trịnh, Nguyễn, thời Tây thuộc địa, thời đại Hồ Chí Minh. Đặc biệt chú trọng các vùng "giao nước" (giao thủy) có thị tứ, chợ búa và một hệ sinh thái "nước lợ".

Xin lưu ý: Các núi đã vôi Nam Định đều ở ven sông. Cảnh quan "sơn thủy hữu tình" nên trên núi non đều có chùa - đền Mẫu. Công chúa Thụy Bảo vợ Trần Bình Trọng, công chúa Huyền Trân vợ vua Chế Mân (Chiêm Thành), sau khi ở goá, đều về tu ở chùa Núi Hồ. Chùa Gôi gắn với đền Mẫu Phủ Giầy...

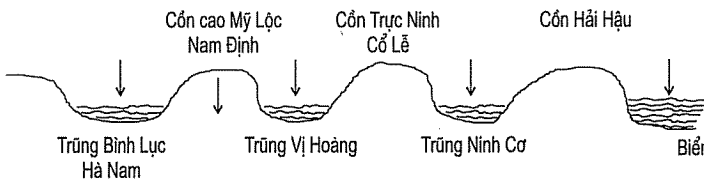
Rất cần lãnh đạo chú ý chỉ đạo việc bảo vệ môi trường xanh-sạch-đẹp, giáo dục dân trí và quan trí lối sống thích nghi hơn, thân thiện hơn với tự nhiên, đừng phá đá bừa bãi để rải đường, làm xi măng, làm non bộ to lớn cho đám "nhà giàu mới" "ăn xổi ở thì"...

3.3- Nam Định đã có địa hình Dương (núi - đồi - gò) thì phải có địa hình Âm (đầm - hồ ao - ruộng trũng). Đi trên vùng Nam (Trực) - (Trực) Ninh khi trước, tôi và TS. Hồng Kiên (thần đồng thơ, nay là tiến sĩ khảo cổ người Nam Định) đã thấy, giữa mênh mông biển lúa xanh, là các "trũng" trồng khoai nước xanh một màu xanh khác. Dân gian bảo chúng tôi: Đây là những vết chân Ông Khổng lồ (sau được đồng nhất với thần sư Không Lộ - Minh Không, người trụ trì những chùa Keo trên (Hành Thiện - Xuân Trường), Keo dưới (Vũ Thư - Thái Bình) nổi tiếng từ thời Lý đến thời Lê Trung Hưng (thế kỷ 12 - 17 - 19). Tôi và Viện sĩ Nông học sinh thái Đào Thế Tuấn đã "giải mã" những "vết chân ngựa Gióng" ở vùng thổ những Fe-ra-lít trung du xứ Bắc là những "ao trợ thời" cấp nước (qua tát nước nhân tạo) cho các đồng ruộng cao tiền mùa mưa và đầu mùa mưa muộn (hạn). Nói sao đây về các "vết chân Ông Khổng lồ" ở Xứ Nam lấy trũng, chiêm nhiều mùa ít? Tôi thấy cần chú ý đến tính chất "lượn sóng" của đồng ruộng Nam Định cận biển từ Bắc chí Nam rất khác Bình Lục - Thanh Liêm, Hà Nam chỉ về cơ bản là chiêm trũng tuy cũng có chút đồng mùa ở vùng "gờ" chân núi Đọi, Điệp, Quế, Quyển

Sơn...

Tôi có thể biểu diễn trắc diện (trofil) của đồng đất Nam Định từ Bắc chí Nam cận biển như sau, căn cứ vào các lớp cồn - trũng (miền Trung gọi là "bàu") ven biển cổ:

Có nhận thức như thế, dù cự ly cồn - trũng chỉ là một vài mét và đã bị san gạt đi nhiều, ta mới hiểu vì sao Nam Định có cả chiêm - mùa, có đặc sản gạo Tám thơm, có đặc sản Quất - Đỗ Quyên cây cảnh... cũng như có đặc sản Gỏi

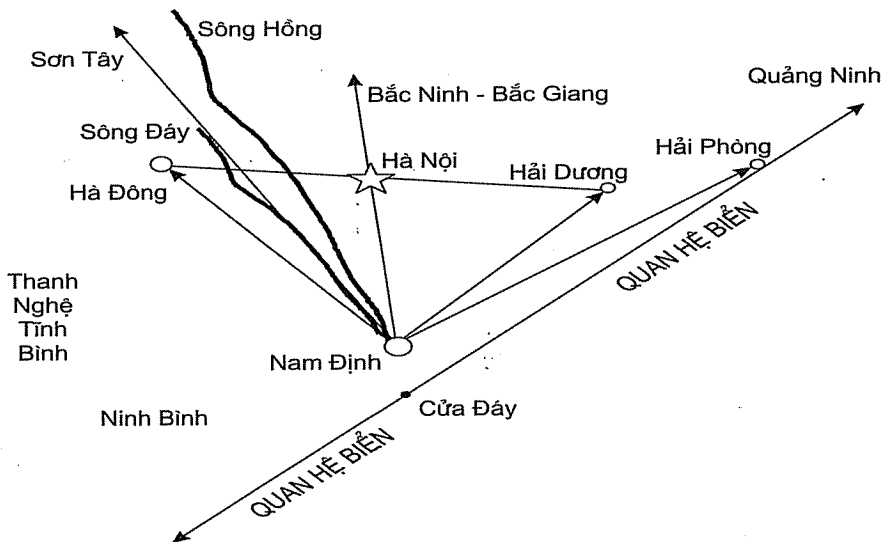


nhệch-Nghĩa Hưng hay các "làng phố" Vân Cù - Giao Cù - Tây Lạc - Nghĩa Đông... Cố nhiên là phải còn đặt Nam Định trong mối quan hệ mạng giao thoa kinh tế - văn hoá - xã hội trong ngoài nước.

4- Mạng trong nước.

4.1-

a) Quan hệ chặt chẽ Thăng Long - Thiên Trường đời Trần. Quan hệ kinh đô - xứ Nam, thủ đô - vùng Nam cận biển rồi, gián tiếp qua



kinh đô - thủ đô với Kinh Bắc.

b) Có sông Đáy - sông Hồng và các đường ven sông, Nam Định dễ dàng quan hệ với xứ Đoài và miền Tây Bắc.

c-d) Nam Định có cả quan hệ bộ - biển với xứ Đông, cho đến Quảng Ninh gọi là miền "Hải Đông" và với miền "Hải Tây" tức Bắc Trung bộ. Nếu lãnh đạo Nam Định làm một dự án điều tra sự di cư của dân Nam Định lên Hà Nội, ra Hải Phòng, Quảng Ninh, vào Thanh Nghệ... thì mọi việc sẽ rõ ra ngay: ở đâu ta gặp nhiều dân gốc Nam Định tới làm ăn?

4.2- Mạng quốc tế - còn yếu nhiều. Chủ yếu qua đường biển. Thế kỷ 17-18, thời đại thương (Grand Commerce) của thế giới, thuyền buôn quốc tế qua Cửa Đáy - Rokbo sông Vị Hoàng - sông Hồng mà tới Phố Hiến.

4.3- Trại sở trấn Sơn Nam cứ "tụt từ từ", từ Xóm Dinh - Duy Tiên xuống Châu Cầu - Chợ Trấn rồi mới Vị Hoàng ở thế kỷ 18. Thế kỷ 19-20, Nam Định là thành phố lớn nhất xứ Nam, sau Hà Nội.

Nửa sau thế kỷ 20 và nay là đầu thế kỷ 21, với sự mở rộng quốc lộ, việc bắc hai cầu Tân Đệ và Yên Lệnh trên sông Hồng, thân phận Nam Định sẽ ra sao trong sự phát triển bền vững chung của châu thổ Bắc bộ và cả nước?

Xin Lãnh đạo Nam Định để tâm suy nghĩ một chiến lược phát triển lâu dài cho Nam Định mền yêu!

T.Q.V

SUMMARY: NAM REGION - STORIES OF THE RIVERS

The author based on the role of outlets and rivers crossing Nam Dinh to outline different aspects of the region's culture. Outlets and rivers dominated the political, economic and historical development of the region and even had effect on human character and international trade exchange...